TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2023/DS-PT
Ngày 05-5-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị C, sinh năm 1950; địa chỉ: tổ B, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đinh Trọng V, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ C, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1940; địa chỉ: tổ B, ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Đinh Thùy D1, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

5. Ông Đinh Nguyễn Công T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Ông Đinh Nguyễn Công T1, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

7. Cháu Phan Thị Bảo T2, sinh năm 2011 và cháu Phan Hữu T3, sinh năm 2013; cùng địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu T2, cháu T3: Bà Đinh Thùy D1, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Cao Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2019, bản tự khai ngày 07 tháng 8 năm 2019 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị C trình bày: Bà C và ông V là hàng xóm. Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc như sau:

Năm 1993, bà C nhận chuyển nhượng của ông Lê V1 diện tích đất 1.220m^2 tọa lại ấp Ông C1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Giá chuyển nhượng 04 chỉ vàng tương đương số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền bà C nhận chuyển nhượng là tiền của bà C và chồng là ông Lê Văn D. Khi nhận chuyển nhượng giữa bà C và ông V1 không có giấy tờ mua bán. Ông V1 chỉ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V1 cho bà C để làm thủ tục sang tên. Năm 2008, địa phương có chính sách đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà C làm thủ tục đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng sang cho bà C. Lý do bà C chưa sang tên tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do bà C đợi có đợt đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới thì điều chỉnh sang lại tên cho bà C.

Khi bà C nhận chuyển nhượng đất của ông V1 các bên không tiến hành đo đạc thực tế lại chỉ biết chiều ngang phía Đông và phía Tây là 24m, chiều sâu phía Bắc và phía Nam là 51m. Ông Vĩnh chỉ tứ cận đất cho bà C như sau:

Phía Đông: giáp đường đất.

Phía Tây: giáp đất ông T4 ranh giới là cây điều.

Phía Nam: giáp đất bà Phan Thị G hiện nay giáp đất của ông V.

Phía Bắc: Giáp đất ông B hiện nay giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Ổ.

Khi bà C nhận chuyển nhượng từ ông V1 trên đất có cây điều của ông Vĩnh t, bà C nhận chuyển nhượng tiếp tục khai thác. Năm 2010, bà C thanh lý điều và tiến hành trồng khoảng 50 cây cao su. Cây cao su phía ranh giới giữa bà C cách cây cao su nhà ông V khoảng 03m. Hiện nay, cao su của bà C đã thanh

lý còn lại cao su của ông V. Năm 2008, do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương yêu cầu đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà C đổi sổ lại. Khi đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc lại, gia đình bà C không biết địa chính xã đo đạc lại khi nào. Bà C đã giao lại toàn bộ giấy tờ cho Ủy ban nhân dân xã C để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Cùng năm đó, bà C được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay là thửa số 116, tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp Ông C1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Diện tích bà C được cấp lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 937m^2. Khi nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C không xem lại thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mới vì bà C tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới giống như cũ. Khoảng năm 2018, bà C tiến hành đo đạc lại để sang tên cho con thì mới phát hiện được đất của bà C thiếu chiều ngang phía trước hướng Đông thiếu 02m, chiều ngang hướng Tây thiếu 06m. Tổng diện tích bà C thiếu 283m^2. Sau khi phát hiện bị thiếu đất bà C đã đem đơn ra Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương để nhờ địa phương hòa giải. Sau khi sao lục toàn bộ hồ sơ của bà C và ông V, cán bộ địa chính xã C II vào đo đạc lại báo cho gia đình bà C biết đất ông V phía Đông dư 7,5m, phía Tây dư 6,9m. Ủy ban nhân dân xã C tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà C yêu cầu Tòa án buộc Đinh Trọng V phải trả lại cho bà Cao Thị C phần đất đã lấn chiếm 283m^2 tọa lạc xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên họp, nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc thực tế và biên bản định giá do Tòa án lập. Bà C thống nhất diện tích tranh chấp theo kết quả đo đạc.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 12 năm 2022 và ngày 08 tháng 11 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Đinh Trọng V trình bày: Năm 1992, ông V nhận chuyển chuyển nhượng của bà Phan Thị M diện tích đất khoảng 970 m tọa lạc tổ C, ấp Ông C1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Giá chuyển nhượng 04 chỉ vàng tương đương số tiền 2.000.000 đồng. Khi ông V nhận chuyển nhượng của bà M hai bên không lập giấy tờ mua bán . Ông V giao tiền cho bà M, bà M có trách nhiệm làm các thủ tục để sang lại tên cho ông V. Ông V đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoảng cuối năm 1992. Khi bà M giao đất cho ông Viễn tứ cận đã rõ ràng, khi đó là cây tầm vông (cây vông nem) để xác định ranh giới.

Năm 1993, ông V nhận chuyển nhượng đất của bà T5 (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ) diện tích đất khoảng 2.000m^2 giáp ranh với đất ông V nhận chuyển nhượng của bà M. Giá chuyển nhượng 1,75 lượng vàng tương đương số tiền 9.000.000 đồng. Khi ông V nhận chuyển nhượng của bà T5 hai bên cũng không lập giấy tờ. Hai bên ra Ủy ban nhân dân xã C, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương làm các thủ tục để sang lại tên cho ông V. Cùng năm đó, ông V được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tứ cận ranh giới đã được xác định rõ ràng bằng hàng tầm vông và cây dâm bụt. Như vậy, qua các

lần ông V nhận chuyển nhượng của bà M và bà T5 diện tích ông V được sử dụng 2.970m^2.

Năm 1998, ông V tiến hành gộp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông V nhận chuyển nhượng của bà M và bà Tư t1 một thửa. Ngày 17/ 8/1998, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông Đinh Trọng V. Nguồn gốc đất là đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 189/GCN.SB cấp ngày 25/8 /1993. Diện tích hộ ông V được cấp lại diện tích 2.549m^2 chưa gồm hành lang an toàn giao thông đường bộ. Như vậy, diện tích hành lang giao thông đường bộ của ông V khi đó là 421m^2 không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V. Ông V và toàn bộ hộ dân ở xã C II khi đó đều thắc mắc vì sao lại bỏ diện tích nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ (đường DT750 hiện nay) ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa được bồi thường nhưng không được xem xét. Sau này, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới điền thông tin diện tích thực tế nằm trong hành làng an toàn đường bộ ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, sau khi có chính sách đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã C, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương yêu cầu các hộ dân có nhiều Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nộp lại để chính quyền xã đo đạc gộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó, ông V đã mang tất cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V để đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại, có tiến hành đo đạc lại diện tích thửa số 115, tờ bản đồ số 05 của ông V thiếu 343m^2 so với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu của ông V được cấp. Ủy ban nhân dân xã C, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương yêu cầu ông V viết bản cam kết diện tích đất thực tế hiện nay của ông V chỉ còn lại 2.789 m^2 (trong đó diện tích hàng lang lộ giới 583m^2), cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau thì mới đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V. Ông V đã viết giấy cam kết nộp lại cho Ủy ban xã C, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương. Vào ngày 08/01/2001, Ủy ban nhân dân huyện B cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Đinh Trọng V. Nguồn gốc của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 115 tờ bản đồ số 05 là cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0189/GCN ngày 17/8/1998.

Hiện nay, trên đất tranh chấp có 17 cây cao su ông V trồng năm 2001 hiện nay đang khai thác; 02 cây trồng cùng năm nhưng không khai thác được; 01 hố ga tự hoại; 1 hố đất đựng phân heo. Ngoài các tài sản trên không còn tài sản nào khác. Hộ gia đình của ông V gồm các thành viên sau: ông V, vợ bà Đặng Thị L; các con Đinh Thùy D1, Đinh Thị Thu H, Đinh Nguyễn Công T, Đinh Nguyễn Công T1, cháu ngoại Phan Thị Bảo T2 và Phan Hữu T3 là con của chị D1.

Nay, bà C yêu cầu ông V trả lại cho ông V diện tích 283m^2 ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 01 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn D trình bày: Ông D là chồng của bà C. Ông D thống

nhất về nguồn gốc đối với phần đất đang tranh chấp và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C đó là yêu cầu ông V trả lại cho bà C diện tích 283m^2.

Tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị L trình bày: Bà L là vợ của ông V, về nguồn gốc đất tranh chấp bà L thống nhất với lời trình bày của ông V. Trong vụ án này bà L thống nhất ý kiến với ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2021 và ngày 29 tháng 12 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đinh Nguyễn Công T, chị Đinh Thị Thu H, Đinh Thị Thùy D2 và Đinh Nguyễn Công T1 trình bày: Chúng tôi là con ruột của ông V, về nguồn gốc đất thống nhất với lời trình bày của ông V.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông V trả lại diện tích 197,7m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị C đối với bị đơn ông Đinh Trọng V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 197,7m^2 tọa lạc xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị C đối với ông Đinh Trọng V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích đất 85,3m^2 tọa lạc xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 nguyên đơn bà Cao Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Việc kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên có căn cứ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung vụ án xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử là có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 01 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D, bà Đinh Thùy D2, ông Nguyễn Công T1 và bà Đặng Thị L vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: nguyên đơn bà Cao Thị C được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/11/2008, số vào sổ cấp GCN: H03350, diện tích 937 m^2 (thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 5) tọa lạc xã C, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương.

Ông Đinh Trọng V được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/11/2001, số vào sổ cấp GCN: 00382 QSDĐ/708/QĐ-UB diện tích 2.789m^2 (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05), tọa lạc xã C, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương.

Nguồn gốc đất của nguyên đơn nhận chuyển nhượng từ ông Lê Vĩnh t2 đơn xin sang nhượng đất ngày 12/10/1993 được xác lập giữa ông Lê V1 và bà Cao Thị C thể hiện diện tích ông V1 chuyển nhượng cho bà C 1.220m^2. Khi ông Lê Vĩnh chuyển n cho bà Cao Thị C thì ông Lê V1 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/10/1992 nhưng thời điểm bà Cao Thị C làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi ngày 27/5/2008 thể hiện bà C xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 116, tờ bản đồ số 05 tọa lạc xã C, huyện B với diện tích 937m^2. Do đó, ngày 07/11/2008, Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp cho bà Cao Thị C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00382 QSDĐ/708/QĐ-UB thửa đất số 115, tờ bản đồ số 05 diện tích 937m^2 là đúng theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, phần diện tích Nhà nước cho phép bà C được quyền sở hữu diện tích đất 937m^2.

Ngày 15/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp có các tài sản gắn liền gồm 17 cây cao su trồng năm 2001 hiện nay đang khai thác; 02 cây trồng cùng năm nhưng không khai thác được; 01 hố ga tự hoại; 1 hố đất đựng phân heo đều của ông V đồng thời đo đạc thực tế phần đất các bên tranh chấp. Qua kết quả đo đạc thể hiện tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý lập ngày 28/5/2020, thể hiện đất tranh chấp có diện tích 197,7m^2.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương có Công văn số 301/TA-VP yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Dương thực hiện việc áp thửa vào bản đồ chính quy để xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa số 115 của ông Đinh Trọng V hay thửa số 116 của bà Cao Thị C. Ngày 29/12/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B cung cấp Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 108 - 2020 xác

định phần đất tranh chấp 197,7m^2 thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 05 của ông Đinh Trọng V.

Đối chiếu Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B xác định ranh giới đất bà Cao Thị C được đánh số từ các vị trí đánh số thứ tự từ điểm 4, 5, 6, 7, 9, 10 thì diện tích 1.161,2m^2 (có phần đất tranh chấp) nếu trừ phần đất tranh chấp 197,7m^2 thì bà Cao Thị C đang quản lý sử dụng diện tích đất 963,5m^2 là dư diện tích đất 26,5 m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C.

Ranh giới Đinh Trọng V xác định được đánh số từ các vị trí đánh số thứ tự từ điểm 1, 2, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 ,16, 17, 18, 19, 20 có diện tích 2.730,3m^2 (bao gồm phần đất tranh chấp) thì ông Đinh Trọng V còn sử dụng thiếu diện tích đất 58,7 m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V.

Theo Công văn số 89/TA-VP ngày 11/5/2022 về việc đề nghị cung cấp thông tin vụ án dân sự, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin vì sao có sự chênh lệch diện tích giữa phần đất của bà C từ thời điểm nhận chuyển nhượng của ông V1 và từ sau thời điểm bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó ngày 30/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương có Công văn phúc đáp số 1967/UBND-NC về việc phúc đáp các nội dung liên quan đến vụ án dân sự số 123/2019/TLST-DS xác định phần đất bà C nhận chuyển nhượng từ ông V1 có diện tích 1.220 m^2 nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được cấp 937m^2 giảm 283m^2. Lý do giảm là do khi bà C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính quy không thực hiện đo đạc lại diện tích thửa đất và được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B) cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03350 ngày 07/11/2008 theo bản đồ chính quy.

Trong quá trình tố tụng, bà C yêu cầu xem xét phần đất của ông V giáp với đường nhựa DT750 và đường đất, vì bà C cho rằng việc mở rộng đường và đổ nhựa từ đường đất lên đường nhựa sẽ lấn vào đất của ông V nên đất của ông V bị thiếu, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đến Ủy ban nhân dân xã X1 được biết việc mở rộng và nâng cấp đường đất DT750 lên thành đường nhựa, nhà nước không có quyết định thu hồi đất của ông V. Đối với đường đất 07m (nay là đường nhựa nóng) trước đây chiều rộng mặt đường 05 m (chưa bao gồm mương thoát nước) nhưng đến ngày 15/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2116/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình nâng cấp bê tông nhựa nóng tuyến đường ông X - bà K xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Theo nội dung của quyết định trên thì việc mở rộng đường sẽ được thực hiện từ 05m lên thành 08m bao gồm mặt đường, lề đường và mương thoát nước. Tuy nhiên, việc mở rộng đối với con đường trên không thu hồi đất của các hộ có đất nằm trên tuyến đường đó. Do đó, việc bà C cho rằng đất của ông V bị thiếu do mở đường là không có cơ sở. Mặt khác, việc làm đường, nâng cấp đường từ đường đất lên đường nhựa không làm ảnh hưởng diện tích thực tế các bên đang quản lý sử dụng.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu ông V trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 197,7m^2 tọa lạc xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xử là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị C nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Cao Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Cao Thị C được miễn án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp